

**THÔNG BÁO**  
**Về việc tuyên truyền, phổ biến Luật Cảnh vệ năm 2017**  
**và Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018**

**Kính gửi: Các Phòng, Khoa, Trung tâm**

Căn cứ Kế hoạch số 1164/KH-CAT(PA03) ngày 04/9/2020 của Giám đốc Công an tỉnh Thái Nguyên về việc tuyên truyền, phổ biến Luật Cảnh vệ, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội, trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Thực hiện Thông báo số 2095/ĐHTN-VP ngày 03/11/2020 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc phân bổ tờ gấp tuyên truyền Luật Cảnh vệ và Luật Bảo vệ bí mật nhà nước;

Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ Thuật thông báo đến các Phòng, Khoa, Trung tâm về việc tuyên truyền, phổ biến đến cán bộ viên chức, học sinh, sinh viên với các nội dung cơ bản của Luật Cảnh vệ năm 2017 và Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 (theo nội dung đính kèm).

Các đơn vị trong nhà trường tổ chức thực hiện nghiêm túc nội dung thông báo./.

Nơi nhận: 

- BGH (chi đạo);
- Như Kính gửi (thực hiện);
- P. TH (đưa website);
- Lưu: VT, P. CTHSSV.



**TS. Ngô Xuân Hoàng**



**BỘ CÔNG AN  
CÔNG AN TỈNH THÁI NGUYÊN**

**TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN  
LUẬT BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ  
NƯỚC NĂM 2018**

Luật Bảo vệ Bí mật nhà nước số 29/2018/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 15/11/2018. Hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020; thay thế Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước số 30/2000/PL-UBTVQH10.

**Thái Nguyên, năm 2020**

## **A. BỐ CỤC LUẬT BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC**

Luật gồm 05 Chương, 28 Điều:

Chương I: Những Quy định chung; Chương II: Phạm vi, phân loại, ban hành danh mục bí mật nhà nước; Chương III: Hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước; Chương IV: Trách nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước; Chương V: Điều khoản thi hành

## **B. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC**

### **I. Giải thích từ ngữ (Điều 2).**

1. *Bí mật nhà nước* là thông tin có nội dung quan trọng do người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác định căn cứ vào quy định của Luật này, chưa công khai, nếu bị lộ, bị mất có thể gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc.

Hình thức chứa bí mật nhà nước bao gồm tài liệu, vật, địa điểm, lời nói, hoạt động hoặc các dạng khác.

2. *Bảo vệ bí mật nhà nước* là việc cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng lực lượng, phương tiện, biện pháp để phòng, chống xâm phạm bí mật nhà nước.

3. *Lộ bí mật nhà nước* là trường hợp người không có trách nhiệm biết được bí mật nhà nước.

4. *Mất bí mật nhà nước* là trường hợp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước không còn thuộc sự quản lý của cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý.

### **II. Nguyên tắc bảo vệ bí mật nhà nước (Điều 3)**

1. Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý thống nhất của Nhà nước; phục vụ nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế của đất nước; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Bảo vệ bí mật nhà nước là trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3. Việc quản lý, sử dụng bí mật nhà nước bảo đảm đúng mục đích, thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

4. Chủ động phòng ngừa; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

5. Bí mật nhà nước được bảo vệ theo thời hạn quy định của Luật này, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân theo quy định của pháp luật.

### **II. Các hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ bí mật nhà nước (Điều 5)**

1. Làm lộ, chiếm đoạt, mua, bán bí mật nhà nước; làm sai lệch, hư hỏng, mất tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước.

2. Thu thập, trao đổi, cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước trái pháp luật; sao, chụp, lưu giữ, vận chuyển, giao, nhận, thu hồi, tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước trái pháp luật.

3. Mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ trái pháp luật.

4. Lợi dụng, lạm dụng việc bảo vệ bí mật nhà nước, sử dụng bí mật nhà nước để thực hiện, che giấu hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp hoặc cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

5. Soạn thảo, lưu giữ tài liệu có chứa nội dung bí mật nhà nước trên máy tính hoặc thiết bị khác đã kết nối hoặc đang kết nối với mạng Internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, trừ trường hợp lưu giữ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về cơ yếu.

6. Truyền đưa bí mật nhà nước trên phương tiện thông tin, viễn thông trái với quy định của pháp luật về cơ yếu.

7. Chuyển mục đích sử dụng máy tính, thiết bị khác đã dùng để soạn thảo, lưu giữ, trao đổi bí mật nhà nước khi chưa loại bỏ bí mật nhà nước.

8. Sử dụng thiết bị có tính năng thu, phát tín hiệu, ghi âm, ghi hình trong hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước dưới mọi hình thức khi chưa được người có thẩm quyền cho phép.

9. Đăng tải, phát tán bí mật nhà nước trên phương tiện thông tin đại chúng, mạng Internet, mạng máy tính và mạng viễn thông.

### **II. Hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước**

**Điều 10.** Xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước.

**Điều 11.** Sao, chụp tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước.

**Điều 12.** Thống kê, lưu giữ, bảo quản tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước.

**Điều 13.** Vận chuyển, giao, nhận tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước.

**Điều 14.** Mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ.

**Điều 15.** Cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, người Việt Nam được giao thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến bí mật nhà nước.

**Điều 16.** Cung cấp, chuyển giao bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

**Điều 17.** Hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức Việt Nam.

**Điều 18.** Hội nghị, hội thảo, cuộc họp có yếu tố nước ngoài tổ chức tại Việt Nam có nội dung bí mật nhà nước.

**Điều 19.** Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước.

**Điều 20.** Gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước.

**Điều 21.** Điều chỉnh độ mật.

**Điều 22.** Giải mật.

**Điều 23.** Tiêu hủy tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước.

#### **IV. Trách nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước**

**Điều 24.** Trách nhiệm bảo vệ bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức:

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ bí mật nhà nước.
2. Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ bí mật nhà nước và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:
  - a) Xây dựng, đề xuất chủ trương, chính sách, kế hoạch và phương án bảo vệ bí mật nhà nước;
  - b) Chủ trì xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; hướng dẫn thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước;
  - c) Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức bảo vệ bí mật nhà nước;
  - d) Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;
  - đ) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;
  - e) Thực hiện hợp tác quốc tế về bảo vệ bí mật nhà nước theo phân công của Chính phủ;
  - g) Quy định mẫu dấu chỉ độ mật, văn bản xác định độ mật, hình thức khác chỉ độ mật và mẫu giấy tờ về bảo vệ bí mật nhà nước.
3. Văn phòng Trung ương Đảng và ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng và đảng ủy trực thuộc trung ương; cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội; Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước; Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Tòa án nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Kiểm toán nhà nước; tỉnh ủy, thành ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:
  - a) Tổ chức thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước;
  - b) Chủ trì xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản chuyên ngành liên quan đến bảo vệ bí mật nhà nước thuộc phạm vi quản lý phù hợp với quy định của Luật này;
  - c) Ban hành và tổ chức thực hiện quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức, địa phương;
  - d) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trực thuộc;

đ) Phân công người thực hiện nhiệm vụ bảo vệ bí mật nhà nước, thực hiện chế độ báo cáo về công tác bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định của Chính phủ.

4. Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ bí mật nhà nước thuộc phạm vi quản lý và thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Ban Cơ yếu Chính phủ có trách nhiệm sau đây:

- a) Thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực cơ yếu theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- b) Tham mưu giúp Chính phủ xây dựng và phát triển hệ thống thông tin mật mã quốc gia; quản lý hoạt động nghiên cứu, sản xuất, cung cấp và sử dụng sản phẩm mật mã để bảo vệ thông tin bí mật nhà nước;
- c) Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này.

**Điều 25.** Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật nhà nước:

1. Ban hành nội quy bảo vệ bí mật nhà nước trong cơ quan, tổ chức, trừ cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 3 Điều 24 của Luật này.
2. Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy định của pháp luật và quy chế, nội quy về bảo vệ bí mật nhà nước trong cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.
3. Chỉ đạo xử lý và kịp thời thông báo với cơ quan có thẩm quyền khi xảy ra lộ, mất bí mật nhà nước thuộc phạm vi quản lý.
4. Tổ chức thu hồi tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước khi người được phân công quản lý bí mật nhà nước thôi việc, chuyển công tác, nghỉ hưu, từ trần hoặc vì lý do khác mà không được phân công tiếp tục quản lý bí mật nhà nước.

**Điều 26.** Trách nhiệm của người tiếp cận, người trực tiếp quản lý bí mật nhà nước:

1. Người tiếp cận bí mật nhà nước có trách nhiệm sau đây:
  - a) Tuân thủ quy định của pháp luật, quy chế, nội quy của cơ quan, tổ chức về bảo vệ bí mật nhà nước;
  - b) Thực hiện các biện pháp bảo vệ bí mật nhà nước;
  - c) Sử dụng bí mật nhà nước đúng mục đích;
  - d) Thực hiện yêu cầu và hướng dẫn của cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý bí mật nhà nước.
2. Người trực tiếp quản lý bí mật nhà nước có trách nhiệm sau đây:
  - a) Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đề xuất người có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp để bảo vệ bí mật nhà nước do mình trực tiếp quản lý;

c) Trường hợp phát hiện vi phạm trong hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước thì người trực tiếp quản lý bí mật nhà nước phải có biện pháp xử lý và báo cáo người có trách nhiệm giải quyết, thông báo cho cơ quan, tổ chức xác định bí mật nhà nước biết để có biện pháp khắc phục;

d) Trước khi thôi việc, chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc vì lý do khác mà không được phân công tiếp tục quản lý bí mật nhà nước thì phải bàn giao bí mật nhà nước cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý và cam kết bảo vệ bí mật nhà nước đã quản lý.

#### **Số giấy phép xuất bản:**

Số 143/GPXB - STTTT cấp ngày 17/9/2020  
In tại: Công ty TNHH In Quý Quang Nguyên  
Số lượng phát hành: 8.397 bản